

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 118/2023/DS-GĐT

Ngày: 13/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và  
nợ hui*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Võ Văn Cường

***Các Thẩm phán:*** Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thanh Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Xuân Luyến - Thẩm tra viên – Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

**2. Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Bà và bà Huỳnh Thị T có mối quan hệ bà con, do bà T cần tiền làm ăn nên bà có cho bà T vay tiền nhiều lần cụ thể như

sau: Ngày 16/9/2017 bà T vay 100.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 12/2/2018 vay 100.000.000 đồng và ngày 15/2/2018 vay 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2018 bà T có tham gia một phần huê (hụi) do bà làm chủ, mỗi tháng đóng 1 triệu đồng. Sau khi tham gia bà T đã hốt huê, còn lại 6 kỳ huê là 60.000.000 đồng bà T phải đóng lại nhưng bà T không đóng, tổng cộng tiền vay và tiền huê thì bà T còn nợ bà là 410.000.000 đồng, sau đó bà T đã trả cho bà 50.000.000 đồng, còn nợ lại bà 360.000.000 đồng. Việc bà T nợ, hai bên không có làm giấy tờ nay bà T có thừa nhận vay của bà số tiền là 210.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền huê, tổng cộng hai khoản là 250.000.000 đồng bà cũng đồng ý. Nay yêu cầu bà T và chồng bà T là ông N cùng trả số tiền trên cho bà.

- Bị đơn, bà Huỳnh Thị T trình bày: Từ năm 2014, bà M có gửi tiền cho bà làm ăn, hàng tháng bà có trả lãi cho bà M với lãi suất 3 triệu đồng/1 tháng/100 triệu, tổng cộng bà vay của bà M là 210.000.000 đồng và đã trả cho bà M được 150.000.000 đồng cụ thể như sau;

Năm 2018, bà M rủ bà chơi 01 phần huê, hàng tháng đóng 10.000.000 đồng/1 tháng/ phần, tổng cộng gồm 16 người chơi, hốt chót 150.000.000 đồng. Sau khi vào huê, bà hốt đầu tiên được số tiền là 135.000.000 đồng, số tiền này bà M căn trừ vào số nợ 210.000.000 đồng. Cùng trong ngày hốt huê bà có trả thêm cho bà M 15.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà M được 150.000.000 đồng. Đối với số nợ huê, sau khi hốt huê thì bà phải góp lại 15 kỳ huê chết với số tiền 150.000.000 đồng, nhưng bà đã góp cho bà M 11 kỳ với số tiền là 110.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ tiền huê bà M là 40.000.000 đồng. Nay bà thừa nhận còn nợ bà M tổng cộng là 100.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 60.000.000 đồng, tiền huê là 40.000.000 đồng. Số tiền nợ bà M, bà dùng để mua đất và sử dụng cho mục đích chung của gia đình với ông N trong thời kỳ hôn nhân, nên yêu cầu ông N phải cùng trả số nợ trên cho bà M.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc N trình bày: Ông không biết việc bà T vay tiền của bà M nên không đồng ý trả số nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, quyết định:

*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M*

*Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Ngọc N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), trong đó gồm có 160.000.000 đồng tiền vay và 40.000.000 đồng tiền huê.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị M về việc buộc bà Huỳnh Thị T phải trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)*

*Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về yêu cầu bà Huỳnh Thị T phải trả số tiền 110 triệu đồng.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Ngày 28/5/2021, ông Nguyễn Ngọc N có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2023/KN-DS ngày 17/3/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị M và bà Huỳnh Thị T thống nhất từ năm 2014 các bên có quan hệ vay mượn tiền với nhau, theo đó bà M cho bà T vay tiền nhiều lần và tham gia chơi hội với số tiền cụ thể như sau: Năm 2018, bà T tham gia 01 phần hội, hàng tháng góp hội 10 triệu/1 tháng/1 phần. Hội gồm 16 người tham gia, người hót cuối là 150.000.000 đồng. Sau khi tham gia, bà T hót đầu tiên được số tiền là 135.000.000 đồng, bà T có trách nhiệm góp lại hội chết là 15 kỳ với số tiền 150.000.000 đồng, nhưng sau khi hót hội bà T chỉ góp lại hội chết cho bà M là 11 kỳ với số tiền 110.000.000 đồng, còn lại 4 kỳ chưa góp cho bà M là 40.000.000 đồng, hiện còn nợ lại bà M 250.000.000 đồng thì phát sinh tranh chấp.

[2] Quá trình giải quyết tranh chấp nợ, bà T cho rằng đã trả cho bà M 150.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 100.000.000 đồng, nhưng bà M chỉ thừa nhận bà T có trả 50.000.000 đồng. bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh đã trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bà T đã trả cho bà M theo sự thừa nhận của bà M là 50.000.000 đồng và còn nợ lại bà M số tiền là 200.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần trách nhiệm trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số nợ trên được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông Nguyễn Ngọc N, nên buộc ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà T trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng.

[3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình giữa bà T với ông N được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 192/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2020 thấy rằng: về phần nợ chung bà T và ông N đều thống nhất không có phần nợ tiền bà M. Đồng thời, tại đơn khởi kiện (yêu cầu phản tố) ngày 03/6/2020 của ông N yêu cầu chia tài sản chung cũng thể hiện phần nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm: “*nợ bà Phan Thị Phương T 1.000.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ H 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bé Tr 700.000.000 đồng; Ngân hàng nông nghiệp Chi nhánh LG 200.000.000 đồng*” (bút lục số 18-19). Và tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 (trong vụ án hôn nhân gia đình) bà T trình bày: “*ngoài số nợ mà ông N trình bày tôi hoàn toàn thống nhất, vợ chồng tôi còn nợ một số người như sau; Nợ bà Lê Thị T 400.000.000 đồng, bà Hồ Thị Thái Th 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé V một khoản tiền huê tôi chưa cộng sổ nên không biết cụ thể, tôi sẽ cung cấp sau*” (bút lục 69 - 70). Như vậy, tại thời điểm ông N và bà T ly hôn thì phần nợ chung của vợ chồng, các bên đều xác định không có phần nợ bà M. Do đó, bà T cho rằng số tiền nợ bà M là nợ chung của bà và ông N là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà T để xác định số nợ trên được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông N và buộc ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông N.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 17/2023/KN-DS ngày 17/3/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*” giữa nguyên đơn là bà Trần Thị M với bị đơn là bà Huỳnh Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc N

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án TAND cấp cao (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và Quản lý khoa học xét xử;
- VKSNDCC;
- TAND tỉnh Bình Thuận (để biết);
- TAND thị xã LG;
- Chi cục THADS thị xã LG;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (LML).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Cường**